

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-ST
Ngày 07-5-2024
V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương.
- Ông Đoàn Minh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Thông báo về việc dời thời gian mở phiên tòa sơ thẩm số 09/TB-TA ngày 16/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Q, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Thạch T, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số B, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà T vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Q trình bày:

Ngày 29/8/2020, bà có cho bà Phan Thị Thạch T vay số tiền 140.000.000đ

(Một trăm bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 năm, tức là đến ngày 29/8/2023, theo lãi suất Ngân hàng. Việc vay tiền có lập thành văn bản là “TỜ CAM KẾT” ngày 29/8/2020, có chữ ký và chữ viết ghi rõ họ tên “Phạm Thị Thạch T1”. Theo Đơn xin xác nhận ngày 29/10/2023 có xác nhận của Trưởng ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An thì Phan Thị Thạch T và Phạm Thị Thạch T1 là cùng một người. Vì từ khi đến thời hạn trả nợ cho đến nay bà T1 không trả số tiền nợ vay và tiền lãi nào nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Thạch T trả số tiền nợ vay là 140.000.000đ và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày vay là ngày 29/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn bà Phan Thị Thạch T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà Q nhưng bà T không có yêu cầu phản tố, hay ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Q khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Thạch T có nghĩa vụ trả tiền nợ vay theo “TỜ CAM KẾT” ngày 29/8/2020. Theo xác minh của Công an xã B, huyện T, tỉnh Long An thì bị đơn bà Phan Thị Thạch T hiện đang cư trú tại Số B, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Q, thấy rằng:

[4.1] Bà Võ Thị Q khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Thạch T trả số tiền nợ vay là 140.000.000đ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Q đã cung cấp chứng cứ là “TỜ CAM KẾT” ngày 29/8/2020, có chữ ký nhận và ghi rõ họ tên “Phạm Thị Thạch T1”. Theo Đơn xin xác nhận ngày 29/10/2023 được Trưởng ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An xác nhận Phan Thị Thạch T và Phạm Thị Thạch T1 là cùng một người. Theo nội dung “TỜ CAM KẾT” ngày 29/8/2020 thể hiện: “*Thảo cam kết sẽ trả cho bà Q 140.000.000đ theo lãi suất Ngân hàng (Hẹn 03 năm)*”. Trong suốt quá trình tố tụng, bà T1 không nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Vì vậy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo “TỜ CAM KẾT” ngày 29/8/2020 nên bà Q khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền nợ 140.000.000đ là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà Q với lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 29/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Theo nội dung của “TỜ CAM KẾT” ngày 29/8/2020 thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi nhưng lãi suất theo lãi suất ngân hàng thì không rõ ràng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468, tức là 10%/năm. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Vì giao dịch dân sự về vay tài sản giữa bà Võ Thị Q và bà Phan Thị Thạch T có lãi nên theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc bà Phan Thị Thạch T có nghĩa vụ trả số tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là: $140.000.000đ \times 0,83\% \times 03 \text{ năm } 08 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 51.399.000đ$ (Năm mươi một triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng).

[5] Từ những phân tích tại mục [4], yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Q có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ, Hội đồng xét xử buộc bà Phan Thị Thạch T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Q số tiền nợ vay là 140.000.000đ và tiền lãi là 51.399.000đ, tổng cộng là 191.399.000đ (Một trăm chín mươi một triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng). Theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[6.1] Buộc bị đơn bà Phan Thị Thạch T phải chịu 9.570.000đ (Chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[6.2] Nguyên đơn bà Võ Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, hoàn trả cho bà Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.618.425đ (Bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009259 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Q về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với Phan Thị Thạch T.

Buộc bà Phan Thị Thạch T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Q số tiền nợ vay là 140.000.000đ, tiền lãi là 51.399.000đ, tổng cộng là 191.399.000đ (Một trăm chín mươi một triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày 08/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc bà Phan Thị Thạch T phải chịu 9.570.000đ (Chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Bà Võ Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.618.425đ (Bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009259 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Hoàng Dung